

ẢI NAM QUAN TRONG LỊCH SỬ

07/08/2009 | 9:00 sáng | 3 Comments

Tác giả: **Mai Thái Lĩnh**

Kể từ khi vấn đề "ải Nam Quan" bùng lên trên mạng Internet vào năm 2002, nó đã trở thành vấn đề gây tranh cãi gay gắt. Khó khăn trong việc nghiên cứu đề tài này bắt nguồn từ những định kiến chính trị khiến người ta cường điệu hay cố gắng giảm thiểu mặt này hay mặt khác của vấn đề, nhưng trở ngại lớn nhất là thiếu những nguồn tư liệu khách quan. May thay, nhờ lòng yêu nước và nỗ lực của rất nhiều người, xuất phát từ những lập trường chính trị hết sức khác nhau nhưng cùng chung lòng thương yêu đối với Tổ quốc, cho nên những dữ liệu ngày càng dồi dào hơn, giúp cho chúng ta có thể vẽ nên một bức chân dung tương đối chính xác về ải Nam Quan trong lịch sử.

Mặc dù vẫn còn khá mù mờ về tình trạng hiện tại của khu vực ải Nam Quan, do đó chưa thể xác định một cách chắc chắn Việt Nam đã mất bao nhiêu đất đai ở vùng này, nhưng diện mạo và lịch sử của ải Nam Quan được mô tả trong bài tiểu luận này có thể giúp ích phần nào cho việc tìm ra sự thật đó.

I – NHẬN DIỆN ẢI NAM QUAN

Căn cứ vào định nghĩa của Đào Duy Anh thì chữ *ải* có nghĩa là "chỗ đất hiểm trở, chật hẹp", còn *ải quan* có nghĩa là "cửa quan, cửa ải nơi biên-giới (passe frontière)". Trong khi đó, chữ *quan* được định nghĩa là "đóng cửa, lấy then ngang mà chặn cửa, cửa ải" và *quan ải* có nghĩa là "chỗ đất hiểm trở ở nơi biên giới của hai nước (poste frontière)"^[i]. Như vậy, *ải* không nhất thiết phải là một địa điểm nằm trên một con đường núi quanh co, chật hẹp, mà liên quan đến tính chất hiểm yếu của vị trí.

Mặt khác, đối với các nhà sử học và địa lý học ở nước ta vào đời nhà Nguyễn, có sự phân biệt giữa *cửa quan* và *cửa ải*. Trong *Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC)* bộ cũ – biên soạn vào đời Tự Đức^[ii], những cổng gác trong nội địa được gọi là *cửa quan* (vd: cửa quan Quỷ Môn, cửa quan Lạng Thành, cửa quan Quang Lang, v.v...); chỉ những cửa quan ở vùng biên giới mới được gọi là *ải* hoặc *cửa ải*. Một ải nào đó có thể có ý nghĩa quan trọng đối với nước này hơn là đối với nước kia, nhưng ải bao giờ cũng nằm ở biên giới giữa hai nước.

Một ví dụ điển hình về cửa ải không nằm trên một con đường núi quanh co, chật hẹp là "ải Bình Nhi". Theo mô tả của bác sĩ Paul Neis trong bài bút ký "Trên vùng biên giới của Bắc Kỳ" (Sur les frontières du Tonkin), xuất bản vào năm 1888^[iii], Bình Nhi là tên một làng của Trung Hoa nằm trên hữu ngạn sông Kỳ Cùng, gần chỗ dòng sông rời biên giới Việt Nam để chảy vào đất Trung Quốc. Phía đối diện với làng Bình Nhi là những ngọn đồi cao, trên đó nhà Thanh bố trí các đồn lũy hay đúng hơn là những cứ điểm phòng ngự (camps retranchés) để kiểm soát con đường đi đến Long Châu. Sông Kỳ Cùng khi chảy trong địa phận của nước ta có rất nhiều ghềnh thác, chỉ có thể đi lại bằng thuyền độc mộc hoặc bè bằng tre, nhưng khi đến Bình Nhi thì lòng sông mở rộng ra và có thể chuyên chở những loại thuyền cỡ trung bình. Theo các nhà địa lý học của nước ta vào thời nhà Nguyễn, sông Kỳ Cùng "đổ ra cửa ải Bình Nhi thuộc Long Châu nước Thanh, người Thanh dùng dây sắt chặn ngang lòng sông"^[iv]. Như vậy, Bình Nhi được coi là một "ải" là do vị trí hiểm yếu trên một dòng sông chứ không phải là một điểm trên một con đường núi hiểm trở. Ngược lại, phần lớn các cửa ải lại nằm tại các hẻm núi, trên một con đường hiểm trở, mà ví dụ điển hình là ải Nam Quan – đối tượng nghiên cứu của bài này.

Một số người (kể cả các quan chức ngoại giao của nước ta) giải thích rằng giữa hai nước bao giờ cũng có một "vùng đệm", đánh dấu bằng "hai cửa khẩu" của hai bên, và biên giới nằm giữa hai cửa khẩu

đó. Cách giải thích này xuất phát từ thực tế của các tuyến đường bộ xuyên biên giới thời nay nhưng hoàn toàn không phù hợp với khái niệm “ải” của nước ta thời xưa. Đó là chưa kể đến sự lẫn lộn giữa “cửa khẩu” với “trạm kiểm soát” nơi cửa khẩu. Có hai trạm kiểm soát của hai nước nằm ở hai bên đường biên giới, nhưng suy cho cùng: chỉ có một cửa khẩu, một đường biên giới.

1) Ải Nam Quan và hệ thống phòng ngự biên giới

Xét toàn bộ tuyến biên giới Việt – Trung, hệ thống phòng thủ thuộc tỉnh Lạng Sơn có tầm quan trọng đặc biệt bởi vì vùng đất này có những ngõ giao thông thuận tiện mà quân Trung Quốc thuộc mọi triều đại có thể dùng để tấn công Hà Nội và vùng đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cũng là nơi có địa thế hiểm trở mà nước ta có thể dựa vào đó để phòng vệ. Vì lý do đó, ải Nam Quan được chú ý nhiều hơn so với tất cả các ải ở biên giới phía Bắc nước ta. Vào thời nhà Nguyễn, ải Nam Quan là trung tâm của một *hệ thống biên phòng* thuộc tỉnh Lạng Sơn bao gồm 12 ải từ phía tây sang phía đông.

Trong *ĐNNTC* có chép lại một đoạn từ cuốn *Bắc thành địa dư chí* của Lê Đại Cương, qua đó liệt kê 12 cửa ải của tỉnh Lạng Sơn: ở giữa là ải Nam Quan, phía tả có 5 cửa ải, phía hữu có 6 cửa ải. Năm cửa ải phía bên trái của ải Nam Quan bao gồm: (1) *ải Bình Nhi* (ở địa giới Long Châu nước Thanh), (2) *ải Cẩm Môn* (ở địa giới châu Hạ Đống nước Thanh và địa phận thôn Cự Khánh huyện Thất Khê), (3) *ải Cổ Thành* (ở địa phận châu Hạ Đống giáp giới xã Nghĩa Thầm huyện Thất Khê), (4) *ải Nguyệt Hoa* (ở địa giới châu Hạ Đống, giáp địa phận Bình Lăng huyện Thất Khê) và (5) *ải Ba Ôn* (ở địa giới châu Hạ Đống giáp Long Châu và địa phận xã Nông Đồn huyện Thất Khê cùng đồn Na Lạn châu Quảng Uyên tỉnh Cao Bằng). Sáu cửa ải phía bên phải của ải Nam Quan là: (1) *ải Du Thôn* (xã Bảo Lâm châu Văn Uyên, phía bắc giáp thôn Điếu Sách, châu Thượng Thạch của nước Thanh), (2) *ải La* (ở địa giới châu Ninh Minh, giáp địa phận xã Trừ Trì, châu Thoát Lãng), (3) *ải Khẩu Sơn* (ở địa giới châu Ninh Minh, giáp địa phận xã Suất Lễ châu Lộc Bình), (4) *Mã ải* (ở địa giới châu Tư Lãng, giáp địa phận xã Suất Lễ châu Lộc Bình), (5) *Tiệm ải* (ở địa giới châu Tư Lãng, giáp địa phận thôn Trị Mã xã An Khoái châu Lộc Bình) và (6) *ải Na Thôn*, ở địa giới châu Tư Lãng, giáp địa phận xã Tĩnh Gia châu Lộc Bình và giáp đồn Định Lập huyện Tiên Yên tỉnh Quảng Yên)[v].

Tấm bản đồ in kèm theo đây (**ảnh 1**) được trích từ bút ký của bác sĩ P. Neis[v]. Nó có thể giúp chúng ta hình dung phần nào hệ thống đồn biên phòng ở Lạng Sơn vào giữa thập niên 1880. Bình Nhi (Bin-hi) là cửa ải cuối cùng ở phía tây của tỉnh Lạng Sơn, đường biên giới chạy ngang một đập nước (barrage) ở phía thượng lưu của Bình Nhi. Ải Trị Mã (porte de Chi-ma, cửa Chi Ma) chính là *Tiệm ải* (hay *Kiểm ải*)[vii] nằm ở thôn Trị Mã xã An Khoái châu Lộc Bình giáp với châu Tư Lãng (Se-ling-Tchéou). Ải Nam Quan nằm ở giữa, được ghi là “*Cua-ai ou Tche-nan-quan*” (Cửa ải hay Trấn Nam Quan), được chú thích bằng tên tiếng Pháp “*Porte de Chine*” (Cửa Trung Hoa). Năm cửa ải bên trái của ải Nam Quan là: Bin-hi (Bình Nhi), Pa-kéou-ai, Porte de San-chi (Cửa San-chi), Porte de Bochaï (Cửa Bochaï), Ki-da-ai. Số lượng phía bên phải của ải Nam Quan nếu tính cả ải Na Thôn (trong bài viết ghi là Nathong, trên bản đồ ghi là Na-tong) lên đến 8 cái, nhiều hơn 2 cái so với miêu tả trong *ĐNNTC*. Đó là các ải: Ai-Ro (ải Du, hay còn gọi là ải Du Thôn), Pan-Pien-ai, Ai-Loa (ải La), Tonguen-ai, Pa-chi-ai, Na-chi-ai, Na-ho-ai hay còn gọi là Porte de Chi-ma (ải Trị Mã hay ải Chi Ma), Na-tong (Na Thôn).

Điều đáng chú ý là không phải tất cả các cửa ải đều được mở cho nhân dân hai nước tự do đi lại. *ĐNNTC* có ghi rõ một số cửa bị cấm không cho đi lại thông thương: như năm cửa ải phía bên trái của ải Nam Quan, hoặc ải La, ải Khẩu Sơn, Mã ải.

Đặc biệt quan trọng là hai cửa ải Nam Quan và Du Thôn. Ải Du Thôn (còn gọi là ải Du) “cách tỉnh thành[viii] 30 dặm về phía bắc, ở địa phận Du Thôn xã Bảo Lâm châu Văn Uyên, phía bắc giáp thôn Điếu Sách, châu Thượng Thạch nước Thanh, từ ải này đến Trấn Nam Quan đi theo đường núi, ước hết hai trống canh rưỡi, phàm công việc giao tống công văn và khách buôn đi lại, đều do cửa ải này.” Còn

ải Nam Quan (còn gọi là ải Nam Giao hoặc Đại Nam Quan, người Thanh gọi là Trấn Nam Quan) thì “cách tỉnh thành 31 dặm về phía bắc, ở địa phận hai xã Đồng Đăng và Bảo Lâm thuộc châu Văn Uyên, phía bắc giáp địa giới châu Bằng Tường tỉnh Quảng Tây nước Thanh”. Cửa quan này “có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở.”[ix]

Như vậy trong hệ thống đồn biên phòng giữa hai nước Trung-Việt, do quá trình xâm lược và chống xâm lược lâu dài, cả hai bên không ai tin ai hoàn toàn, đặc biệt là phía Việt Nam là nước nhỏ hay bị xâm lược lại càng phải cảnh giác, đề phòng; vì vậy cửa Du Thôn được mở để giao thương, còn ải Nam Quan thì vẫn cửa đóng then cài, chỉ mở để cho các đoàn ngoại giao qua lại. Kỹ sư Trương Nhân Tuấn có tìm ra trong thư khố ở Pháp một bài bút ký kể lại chuyến du hành của một người Hoa tên là Tsai-Tin-Lang[x]. Vào năm 1873, ông này bị đắm tàu tại vùng biển Trung Kỳ và tìm cách trở lại Trung Quốc bằng đường bộ. Theo lời kể của Tsai, ông đã trở về Trung Quốc bằng một cửa ải có tên là *Yo-ai* hay *Nan-Kouan* (Nam-Quan). Cũng theo ông này, “người An-Nam gọi ải này là *Io-tsong-ai*”. Thật ra, Yo-ai trong tiếng Việt chính là “Du ải” (ải Du), còn Io-tsong-ai là “Du Thôn ải” (ải Du Thôn), như cách gọi trong *ĐNVTC*. Ông Tsai đã nhầm tưởng ải Du Thôn là ải Nam Quan.[xi]

Chúng ta có thể hiểu ải Nam Quan là trung tâm của một hệ thống phòng thủ, là kết tinh lâu đời của một quá trình chống ngoại xâm. Đó là điểm nút của một hệ thống bố phòng mà quân Trung Quốc không bao giờ có thể phá vỡ được và mỗi khi phá vỡ được, kẻ địch có thể chiếm Đồng Đăng và tiến thẳng vào chiếm Lạng Sơn, uy hiếp thành Thăng Long (Hà Nội).

Mặc dù từ thời Gia Long, thủ đô đã được dời vào Phú Xuân (Huê), tầm quan trọng của Hà Nội không còn như trước kia, nhưng nhà Nguyễn cũng hết sức coi trọng hệ thống cửa ải của Lạng Sơn, đặc biệt là hai cửa ải Nam Quan và Du Thôn. Theo *Đại Nam thực lục*, “phàm có sứ bộ qua lại thì do ải Nam Quan đưa đi, người phạm tội và dân bị bão xiêu dạt thì do ải Du Thôn”. Vào thời Lê có đặt hai *hiệu* để giữ hai ải, mỗi ải có hai chức quan là chánh và phó thủ hiệu, được cấp một chiếc ấn khắc chữ “Văn Uyên châu quảng úy sứ ty chi ấn” để mỗi khi tiếp lãnh công văn của nhà Thanh thì đóng ấn ấy làm tin. Đến đời Gia Long, nhà vua tiếp tục sử dụng hai quan thủ ải cũ là Nguyễn Đình Minh và Nguyễn Đình Giáp, cho Đình Minh làm Thủ hiệu giữ ải Nam Quan, Đình Giáp làm phó thủ hiệu giữ ải Du Thôn, và cấp cho ấn đồng khắc chữ triện “Văn Uyên châu thủ hiệu chi chương”[xii].

Cũng vào đời vua Gia Long, tại Lạng Sơn có đặt một *cơ* đặt tên là *cơ Hùng tiếp* gồm 9 hiệu, mỗi hiệu có 2 đội, tổng cộng 18 đội. Trong 9 hiệu, có hai hiệu giữ cửa ải: một ở cửa Nam Quan và một ở cửa Du Thôn. Mỗi đội có khoảng 23-24 người. Vào lúc vua Minh Mệnh lên ngôi, tổng số thổ binh ở Lạng Sơn là 424 người, toàn bộ số lính đó được đồn lại thành 3 hiệu (Trung, Tiền, Hậu), mỗi hiệu có 3 đội, ngoài ra còn có một hiệu giữ cửa quan. Thổ ty ở Lạng Sơn là chánh thủ hiệu Nguyễn Đình Minh được phong chức Phòng ngự sứ, đóng giữ cửa Nam Quan, Phó thủ hiệu là Nguyễn Đình Ái làm Phòng ngự đồng tri, giữ cửa Du Thôn[xiii]. Từ thời nhà Lê cho đến đời vua Gia Long nhà Nguyễn, cả hai cửa quan đều dùng chung một chiếc ấn, khi có văn thư đi lại thì người giữ hai cửa cùng bàn bạc mà đóng ấn. Đến năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) nhà vua cấp cho mỗi cửa quan một chiếc ấn đồng, chánh thủ hiệu giữ cửa Nam Quan sử dụng chiếc ấn có khắc chữ “Văn Uyên tấn khẩu”, còn phó thủ hiệu giữ cửa Du Thôn thì sử dụng chiếc ấn có khắc chữ “Du Thôn tấn khẩu”[xiv].

2) Diện mạo của Nam Quan

Vai trò quan trọng của ải Nam quan bắt nguồn vị trí hiểm yếu của nó. Diện mạo của nó được mô tả trong *Đại Nam Nhất Thống Chí* như sau :

“... phía đông là một dải núi đất, phía tây là một dải núi đá, đều dựa theo chân núi xây gạch làm tường, gồm 119 trượng, cửa quan đặt ở quãng giữa, có biển đề ba chữ ‘Trấn Nam quan’, dựng từ năm Ung Chính thứ 6 triều Thanh, có một cửa, có khóa, chỉ khi nào có công việc của sứ bộ mới mở. Bên trên cửa có trùng đài, biển đề 4 chữ ‘Trung ngoại nhất gia’, dựng từ năm Tân Sửu đời Càn Long nhà Thanh.

Phía bắc cửa có Chiêu Đức đài, đằng sau đài có Đình tham đường (nhà dừng ngựa), của nước Thanh; phía nam có Ngưỡng Đức đài, của nước ta, bên tả bên hữu đài có hai dãy hành lang, mỗi khi sứ bộ đến cửa quan, thì dùng chỗ này làm nơi tạm nghỉ.”[xv]

Bức tường gạch ở hai bên cửa ải dài đến 119 trượng. Nếu tính theo thước của người Trung Quốc thì 1 thước Tàu = 0,3333 thước tây, vậy 1 trượng (10 thước) = 3,33 m; 119 trượng tương đương 396 m. Nhưng nếu tính theo hệ thống thước đo ruộng đất vào đời nhà Nguyễn thì 1 thước = 0,47 m, 119 trượng tương đương với 559 m[xvi]. Một bức tường như thế không dễ bị phá hủy, do đó luận điệu của phía Trung Quốc về việc ải Nam Quan bị hủy hoại nhiều lần trong chiến tranh là luận điệu tuyên truyền không đáng tin cậy. Bom đạn có thể phá hủy một phần của cửa ải hay của bức tường, nhưng không thể phá hủy hoàn toàn, trừ khi con người cố tình tìm cách xóa dấu tích.

Như vậy, ải Nam Quan nằm ở dưới thấp, trên một con đường quanh co chật hẹp chạy giữa hai dãy núi. Vào năm 2002, khi cuộc tranh luận về ải Nam Quan nở rộ trên mạng Internet, trong một số bài viết có đăng kèm một tấm ảnh không ghi rõ do ai chụp và chụp vào thời điểm nào, cho thấy toàn cảnh ải Nam Quan vào thời Pháp thuộc (ảnh 2). Tấm ảnh này cho chúng ta thấy quang cảnh chung của con đường hiểm trở và cửa ải Nam Quan, gần giống với điều được mô tả trong ĐNNTC. Con đường biên ải chạy theo thung lũng hẹp, hai bên là đồi và núi. Ở giữa là cửa ải, trên có trùng đài (*đài* có nghĩa là “cái nhà làm cao có thể đứng trông xa được”, *trùng* là “chồng lên trên”). Ở phía trái tấm ảnh, trên đồi cao chúng ta thấy một doanh trại của quân đội nhà Thanh.

Có một vấn đề đặt ra là Chiêu Đức đài và Ngưỡng Đức đài nằm ở vị trí nào? Theo từ điển của Đào Duy Anh thì *đài* là “cái nhà làm cao có thể đứng trông xa được”. Từ trùng đài người ta có thể nhìn xa, nhưng tầm nhìn bị hạn chế vì xung quanh là đồi núi. Như vậy, muốn nhìn được xa hơn thì đài Chiêu Đức phải được xây ở vị trí cao hơn, như trên đỉnh một ngọn đồi hay ở lưng chừng đồi. Nhìn vào **ảnh 2**, chúng ta thấy vị trí của Chiêu Đức đài và Đình tham đường (nhà dừng ngựa) của nhà Thanh ngày trước có thể chính là vị trí của doanh trại xây trên đỉnh đồi. Hạn chế của tấm ảnh nói trên là chúng ta không nhìn thấy vị trí của Ngưỡng Đức đài của phía Việt Nam.

Có một bức họa giúp chúng ta làm rõ được thắc mắc này (**ảnh 3**). Bức họa này do Eugène Burnand thực hiện để minh họa cho bài bút ký “Sur les frontières du Tonkin” (Trên vùng biên giới Bắc Kỳ) của bác sĩ P. Neis, tức là bài bút ký kể lại công tác phân định biên giới Việt-Trung trong những năm 1885-1887, được xuất bản lần đầu tại Pháp vào năm 1888 trong bộ sách *Tour du monde* (Vòng quanh thế giới) tập 54. Có thể xem bức họa này trong bản dịch tiếng Anh của tác phẩm này, được xuất bản tại Thái Lan vào năm 1998[xvii]. Bức họa này – cũng như tất cả các bức họa khác đăng trong bút ký của Neis, rất đáng tin cậy, vì nó được họa sĩ Eugène Burnand vẽ lại dựa vào các ảnh chụp của trung úy Hairon, một thành viên của phái đoàn Pháp tham gia công tác phân định biên giới Việt-Trung.

Nhìn vào bức họa này, chúng ta thấy một toán kỵ binh Pháp từ phía Trung Quốc trở về ải Nam Quan. Một doanh trại của quân đội nhà Thanh nằm trên ngọn đồi phía tây của cửa ải (tức bên phải tấm ảnh); đó chính là vị trí của Chiêu Đức đài và Đình tham đường. Bức tường thành và cái cổng ở phía dưới đã được sửa chữa lại sau khi bị tướng Négrier phá vào năm 1885, nhưng chưa xây lại trùng đài. Mặt khác, chúng ta thấy cửa ải vẫn nối liền một mạch với bức tường thành ở hai bên cửa ải và cả hai bức tường này đều không cao lắm (phải chăng do hư hại trong cuộc chiến Pháp-Thanh?). Phía sau cửa ải, chúng ta nhìn thấy thấp thoáng vị trí của “Ngưỡng Đức đài và những dãy hành lang làm nơi tạm nghỉ của sứ bộ ta” nằm trên sườn đồi phía đông-nam của cửa ải (bên trái của bức họa). Bức họa này cũng cho thấy những đồi núi trùng điệp của Việt Nam phía sau cửa ải. Điều này giúp chúng ta hiểu được tại sao trong khi nhà Thanh cho xây doanh trại kiên cố trên đỉnh đồi và bức tường thành hai bên cửa ải thì về phía nước ta, từ đời nhà Lê cho đến nhà Nguyễn, các vua chúa nước ta không quan tâm nhiều đến việc xây

tường gạch hay trại đóng quân quy mô ở vùng Nam Quan. Địa hình hiểm trở về phía ta cho phép chỉ cần có quân canh gác và hệ thống báo động (bằng cách đốt lửa) dọc theo đường từ Nam Quan về tới Đồng Đăng là ta có thể ứng phó kịp thời mỗi khi địch quân kéo đến xâm lược, vì Đồng Đăng chỉ cách ải Nam Quan từ 4 đến 5 km. Hơn thế nữa, tất cả các cửa ải phía bên trái của ải Nam Quan (nhất là hai cửa ải Kida và Bochai sát cạnh ải Nam Quan) đều không được phép đi lại, do đó quân địch không thể đánh tập hậu từ phía sau lưng ải Nam Quan.

Theo Nguyễn Trọng Đàng thì trước khi ông đến nhậm chức đốc trấn Lạng Sơn, đài Ngưỡng Đức (hay Vọng Đức) "không có quân, hai bên tả hữu lợp bằng cỏ, sửa chữa qua loa." Ông đã đến nhậm chức ở Lạng Sơn vào đời vua Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 41, tức là năm Canh Tý (1780), ngang với năm thứ 45 niên hiệu Càn Long nhà Thanh. Đến năm thứ 5, tức là năm Giáp Thìn (1784), ông mới xin phép triều đình sửa chữa lại công trình này. Khởi công từ mùa đông Giáp Thìn đến mùa xuân năm Ất Tỵ (1785) thì hoàn thành công việc tu sửa. Do được "sửa chữa lại, đổi dùng gạch ngói" cho nên đài mới "có vẻ hoành tráng". Sửa chữa xong, Nguyễn Trọng Đàng cho dựng một tấm bia để ghi lại sự kiện này. Mặc dù ngày nay tấm văn bia không còn, nhưng nội dung của nó đã được ghi lại trong cuốn *Phương Đình dư địa chí* của Nguyễn Văn Siêu – một tác phẩm địa lý được viết dưới đời vua Minh Mệnh.[xviii]

Tấm ảnh trên đây (**ảnh 4**) do tác giả Trương Nhân Tuấn công bố vào năm 2006[xix]. Đó là một tấm bưu ảnh (carte postale) chụp vào đầu thế kỷ 20, cho thấy toàn cảnh ải Nam Quan nhìn từ phía Trung Quốc. Chúng ta thấy ở hướng tây (bên phải của tấm ảnh) có một dãy núi đá vôi, đúng như ĐVNVC đã mô tả. Bức tường có lỗ châu mai (mur crénelé) ở hai bên đã được xây lại và làm thành một đường thẳng với cửa ải. Ảnh này cũng cho thấy rõ phía đông của cửa ải (bên trái tấm ảnh) là một ngọn đồi khá cao, đúng như nhận xét của P. Neis khi ông ước lượng các ngọn đồi xung quanh ải Nam Quan có độ cao trung bình từ 50 đến 60 m. Ở phía dưới thung lũng là một ngôi làng của Trung Quốc. Có thể xác định gần như chắc chắn: tác giả của tấm bưu ảnh mang số 791 này (và cả tấm bưu ảnh số 115, tức ảnh 2) chính là nhà nhiếp ảnh nổi tiếng Pierre Dieulefils (1862-1937), sang Đông Dương năm 1885, trước là hạ sĩ quan trong quân đội Pháp, sau khi xuất ngũ hành nghề nhiếp ảnh tại Hà Nội. Từ cuối năm 1902 đến 1924, ông đã sản xuất trên 5.000 tấm bưu ảnh (carte postale), trong đó phần lớn là ảnh về Đông Dương.

Một tấm bưu ảnh khác (mang số 797) cũng do tác giả Trương Nhân Tuấn công bố[xx] cho thấy cận ảnh của ải Nam Quan nhìn từ phía Trung Quốc (**ảnh 5**):

Bức ảnh này có lẽ chụp vào cùng thời điểm với tấm bưu ảnh số 791 (vì kiến trúc của trùng đài rất giống nhau) cho thấy bức tường có lỗ châu mai (mur crénelé) được xây khá cao. Chúng ta có thể tìm thấy tấm bưu ảnh này trong bộ sưu tập của Pierre Dieulefils[xxi].

Một tấm bưu ảnh khác của Pierre Dieulefils mang số 598 cho chúng ta thấy được toàn cảnh của ải Nam Quan nhìn từ phía Việt Nam (**ảnh 6**). Tấm ảnh này có lẽ được chụp vào một thời điểm muộn hơn so với các tấm ảnh trước, vì cửa quan có mái cong và có dáng vẻ đẹp hơn so với trước. Chúng ta cũng thấy rõ bức tường thành (muraille) ở phía tây chạy dài đến tận chân núi đá vôi. Mặt khác, nhiếp ảnh gia đã đứng từ một vị trí rất cao trong lãnh thổ Việt Nam để chụp ảnh, chứng tỏ về phía nước ta có những cao điểm có thể khống chế các vị trí của quân địch.

Tấm bưu ảnh mang số 792 trên đây mà một tác giả tên là Chân Mây vừa giới thiệu trên Internet cách đây không lâu giống hệt với tấm bưu ảnh mang số 598 vừa giới thiệu ở trên. Tấm ảnh (**ảnh 7**) cho thấy ở phía tây (bên trái tấm ảnh) có một doanh trại của phía Trung Quốc nằm trên đỉnh một ngọn đồi, tức là vị trí của Chiêu Đức đài trước kia. Điều cần lưu ý là về phía Việt Nam, trước mặt trùng đài của Trung Quốc, cách một quãng ngắn còn có một cửa nhỏ nối liền với một bức tường chạy song song

với bức tường thành của phía Trung Quốc. Tấm cận ảnh sau đây mà Chân Mây giới thiệu giúp chúng ta thấy được rõ hơn cái cửa nhỏ này (**ảnh 8**).

Tóm lại, diện mạo của ải Nam Quan là một diện mạo rất đặc biệt, không thể nhầm lẫn: cửa ải nằm trên một con đường hiểm trở chạy giữa hai dãy núi, một bên là núi đá (núi đá vôi), một bên là núi đất. Một bức tường thành được xây ở cả hai sườn đồi nằm hai bên cửa ải; về phía tây, bức tường này chạy lên đến tận chân dãy núi đá vôi. Cửa quan được đặt ở giữa hai quả đồi, tại một vị trí thấp ngay trên con đường bộ chạy từ nước này sang nước kia. Điều đáng lưu ý là về phía đông-nam của cửa ải, từ các vị trí khá cao, người ta có thể nhìn thấy toàn bộ cửa ải và bức tường do Trung Quốc xây, và có thể chụp được những tấm ảnh toàn cảnh chẳng khác gì ảnh chụp từ máy bay.

Điều này khiến cho người ta thắc mắc: tại sao các cấp thẩm quyền của cả phía Trung Quốc lẫn phía Việt Nam từ trước đến nay không hề trưng ra những tấm ảnh tương tự để “đập tan luận điệu của bọn phản động và bọn cơ hội”, trong khi đó là cách tốt nhất để chứng minh rằng đường biên giới cũ không hề thay đổi? Có hai giả thuyết: một là Việt Nam đã đánh mất tất cả các điểm cao ở phía Nam của ải Nam Quan, do đó không thể chụp được những tấm ảnh toàn cảnh như những nhiếp ảnh gia người Pháp đã chụp. Giả thuyết thứ hai là vẫn còn có những cao điểm tương tự, nhưng người ta không chụp những tấm ảnh như thế vì sợ để lộ ra sự thật là một diện tích khá lớn của Việt Nam đã mất về tay Trung Quốc ngay tại cửa ải Nam Quan.

Cũng cần lưu ý đến một điểm khác: tại sao trong *Đại Nam nhất thống chí* chỉ nói đến *một cửa, có khóa*, trong khi nhìn vào các tấm ảnh chụp từ phía Việt Nam, chúng ta lại thấy *hai cửa ải* và *hai bức tường song song*, ít nhất là ở phần dưới thấp? Đó là vấn đề mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần sau, khi đi sâu vào lịch sử của ải Nam Quan.

[\(Xem tiếp phần 2\) <=](#)

© 2009 Mai Thái Linh

© 2009 talawas blog

[i] Đào Duy Anh, *Hán-Việt từ điển*, Trường Thi, In lần thứ 3, Sài Gòn 1957.

[ii] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC)*, sđd.

[iii] Docteur P. Neis, “Sur les frontières du Tonkin”, *bđđ*, chap. X.

[iv] *ĐNNTC*, sđd, tập 4, tr. 381.

[v] *ĐNNTC*, sđd, tập 4, tr. 386-387. Như *Lời tựa* ở đầu tập 1 đã lưu ý, những bản ĐNNTC còn lại ngày nay là bản chép tay, cho nên có thể có những sai sót hoặc lỗi chính tả.

[vi] Docteur P. Neis, *bđđ*. Tấm bản đồ này đăng ở chương I. Xem bản phóng lớn ở địa chỉ: http://collin.francois.free.fr/Le_tour_du_monde/textes/Tonkin/Gravures/gravure347.jpg

[vii] Theo Hà Mai Phương, ải này là ải Kiệm chứ không phải ải Tiêm. Xem Hà Mai Phương – Lưu Chu Thanh Tao, “Từ Cửa Nam Quan đến ải Chi Lăng, Châu Ôn và núi Phên Mao”, *Thư viện Tiểu Lùn*, 2002-06-18:

<http://tieulun.hopto.org:25000/download.php?file=CuaNamQuanDenAiChiLang>

[viii] “Tinh thành” (tức thành Lạng Sơn) lúc đó nằm tại xã Mai Pha thuộc châu Ôn, còn gọi là Đoàn Thành.

[ix] *ĐNNTC*, sđd, tr. 384 – 386.

[x] Tsai-Tin-Lang, “Itinéraire de Hanoi à Canton par Lang-Son, le Kouang-Si et la rivière Si-kiang”, *Recueil d'itinéraires et de voyages dans l'Asie centrale et dans l'Extrême Orient* (E. Leroux), Ecole De Langues Orientales Vivantes, 1887. Xem tóm lược của tài liệu này trong bài: Trương Nhân Tuấn, “Tìm hiểu về ải Nam Quan qua một vài tài liệu”, *talawas*, 10.10.2008:

<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=14450&rb=0302>

- [xi] Bác sĩ Neis gọi ải Du là Porte de Chine d'Aïro (Cửa Trung Hoa Aïro). Trên bản đồ, ghi là Ai-Ro.
- [xii] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục (ĐNTL)*, sđd, tập 1, tr. 517.
- [xiii] *ĐNTL*, tập 2, tr. 243.
- [xiv] *ĐNTL*, tập 2, tr. 934. Theo *Từ điển Đào Duy Anh*, chữ *tấn* có nghĩa là "trú binh để phòng giữ giặc giã". *Tấn địa*: chỗ đóng binh để phòng giặc giã (poste militaire). Như vậy *tấn khẩu* có thể hiểu là "cửa khẩu biên phòng".
- [xv] *ĐNNTC*, sđd, tr. 385.
- [xvi] Phan Thanh Hải, "Hệ thống thước đo thời Nguyễn":
http://www.hue.vnn.vn/service/printversion?article_id=80662
 Hoặc xem chữ "trượng" trong *Bách khoa toàn thư mở Wikipedia tiếng Việt*: <http://vi.wikipedia.org>
- [xvii] Dr. P. Neis, *The Sino-Vietnamese Border Demarcation, 1885-1887*, White Lotus Press, Bangkok, 1998, p. 42.
- [xviii] Nguyễn Văn Siêu, *Phương Đình dư địa chí*, NXB Tự Do Sài Gòn, 1959, trang 451-453. Trích theo ba trang phóng ảnh công bố trong bài: Nguyễn Đình Sài, "Biên giới Việt -Trung: Đi tìm sự thật sau những che giấu"; Sự thật về ải Nam Quan (phần 2), *Hội chuyên gia Việt Nam*, 11.12.2002: <http://www.vps.org>
- [xix] Trương Nhân Tuấn, "Tìm hiểu Đại Nam Quan và giới thiệu sách *Biên giới Việt-Trung 1885-2000 – Lịch sử thành hình và những tranh chấp*", *Đàn Chim Việt Online*, 22.8.2005:
<http://www.dcvonline.net/php/modules.php?name=News&file=article&sid=493>
- [xx] Trương Nhân Tuấn, "Tìm hiểu về ải Nam Quan qua một vài tài liệu", *talawas* 10.10.2008 :
<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=14450&rb=0302>
- [xxi] Xem trang web của gia đình Pierre Dieulefils : <http://www.pierre-dieulefils.com/>.
 Create PDF

Bình luận

3 Comments (bài "Mai Thái Lĩnh – ải Nam Quan trong lịch sử (1)")



1. Hoàng Trường Sa viết:

08/08/2009 lúc 2:53 sáng

Theo tôi, việc nước ta đã mất ải Nam Quan vào tay TQ như được ông Vũ Dũng (nguyên thứ trưởng Bộ Ngoại giao CHXHCNVN) thú nhận gần đây, chủ yếu là do ĐCSVN (dưới thời ông Hồ cầm quyền) đã quá tin cậy TQ theo quan điểm "vừa là đồng chí vừa là anh em" nên đã bị TQ lường gạt.

Sau khi bị TQ năm 1955 lợi dụng việc giúp VN khôi phục đoạn đường sắt từ biên giới Việt-Trung đến Yên Viên đã đặt điểm nối ray đường sắt Việt-Trung sâu trong lãnh thổ Việt Nam trên 300 mét so với đường biên giới lịch sử, (trích từ cuốn *VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC* Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội – 1979) thay vì lên tiếng phản đối ngay lúc đó, thì ĐCSVN lại để cho Cục Đường Sắt VN ký văn bản thừa nhận chỗ tiếp giáp đường sắt hai nước, giúp cho phía TQ có căn cứ pháp lý để đoạt luôn khu vực ải Nam Quan với lý do "*không có chuyên đường sắt TQ lại nằm trên lãnh thổ VN*" như được thú nhận bởi Bộ Ngoại giao CHXHCNVN sau đây trong tài liệu "THE HOANG SA (PARACEL) AND TRUONG SA (SPRATLY) ARCHIPELAGOES AND INTERNATIONAL LAW" April 1988 (trang 23):

"Vietnam put so much confidence in China that when the latter helped Vietnam to reconstruct the railway between Hanoi and Dong Dang, the Vietnam Railway Board even accepted a document saying that

the point of junction of the two countries' railways would go "beyond the national border line" as far as 316 meters into Vietnamese territory in comparison with the official border line between the two countries as was defined in the May 25, 1955 Sino-Vietnamese railway agreement."

("Việt Nam đã đặt lòng tin vào Trung Quốc đến độ khi Trung Quốc giúp Việt Nam xây dựng lại tuyến đường sắt giữa Hà Nội và Đồng Đăng, *Cục Đường Sắt Việt Nam đã chịu ký nhận một văn bản nói rằng chỗ tiếp giáp của hệ thống đường sắt của hai nước sẽ đi sâu "vượt khỏi đường biên giới quốc gia" xa đến 316 mét vào trong lãnh thổ của Việt Nam* khi so sánh với đường biên giới chính thức giữa hai nước như đã được xác định trong Hiệp Ước Trung – Việt về đường sắt tháng Năm, năm 1955.")

Điều này được ông Dương Danh Dy, cựu Tổng Lãnh Sự CHXHCNVN tại Quảng Châu (TQ), thừa nhận qua cuộc phỏng vấn của Mặc Lâm đài RFA [Điều gì đang xảy ra bang giao Việt-Trung?](#) như sau:

"Bây giờ cũng không thể kết tội ai được bởi vì nó là chuyện lịch sử rồi. Chúng ta có một số điều hứa. Tôi biết rất rõ những điều hứa này của ta. Ta có những điều hứa trong vấn đề Biển Đông. Cái hứa của chúng ta lúc đó thì có những nguyên nhân là do chúng ta bên Trung Quốc, có những nguyên nhân do chúng ta dốt, chúng ta không hiểu gì cả.

Tôi xin nói thật, tôi đã từng đi điều tra biên giới trên bộ nhiều lần và tôi thấy có những cái đúng là sự ngây ngô khờ dại, có những cái do lúc bấy giờ người ta giúp mình nhưng mà mục đích là đưa hàng hoá sang nhanh chảnh hạn.

Như tôi nói làm một con đường đi qua lãnh thổ của Trung Quốc thì là phải qua đèo cao, thế thì đi vòng chân đồi mở rộng sang chỗ đường bằng phẳng đi vòng trên đất nước Việt Nam thì đường ô-tô dễ đi. Lúc không có chuyện thì không sao, nhưng bây giờ anh nói đường của tôi ở đâu thì đất của tôi ở đấy.

Thế là mình mất toi mấy chục hecta trở lên. Làm thế nào được! Đấy, lúc đó là trong hoàn cảnh thời chiến. Người ta giúp mình, mình chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện đó, có thể là không nghĩ ra, có thể là dốt, vân vân. Bây giờ muốn trách cứ thế nào thì cũng phải chịu thôi."

Nói tóm lại, dưới sự cai trị độc tài độc đảng, xem người dân như cỏ rác, nhất nhất mọi việc đều do một nhóm nhỏ trong Bộ Chính Trị quyết định, kể cả việc chuyển nhượng lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc cho ngoại bang, việc mất Ái Nam Quan cũng như những vùng đất biển khác là một trọng tội mà ĐCSVN phải gánh chịu trước dân tộc và lịch sử.

2. Hoàng Trường Sa viết:

07/08/2009 lúc 5:10 chiều

Trung Quốc đã chiếm Ái Nam Quan bằng cách nào ?

(trích từ cuốn **VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC** Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội – 1979)

Trong một phần tư thế kỷ vừa qua, nhà cầm quyền Trung Quốc đã lần lượt lấn chiếm hết khu vực này đến khu vực khác của Việt Nam, từ khu vực nhỏ hẹp đến khu vực to lớn, từ khu vực quan trọng về quân sự đến khu vực quan trọng về kinh tế. Họ đã dùng đủ mọi thủ đoạn, kể cả những thủ đoạn xấu xa mà những chế độ phản động của Trung Quốc trước kia không dùng.

Dưới đây là một số thủ đoạn chính :

.....

2- Lợi dụng việc xây dựng các công trình hữu nghị để đẩy lùi biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1955, tại khu vực Hữu nghị quan, khi giúp Việt Nam khôi phục đoạn đường sắt từ biên giới Việt-Trung đến Yên Viên, gần Hà Nội, lợi dụng lòng tin của Việt Nam, phía Trung Quốc đã đặt điểm nối ray

đường sắt Việt-Trung sâu trong lãnh thổ Việt Nam trên 300 mét so với đường biên giới lịch sử, coi điểm nổi ray là điểm mà đường biên giới hai nước đi qua. Ngày 31 tháng 12 năm 1974, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã đề nghị Chính phủ hai nước giao cho ngành đường sắt hai bên điều chỉnh lại điểm nổi ray cho phù hợp với đường biên giới lịch sử nhưng họ một mực khước từ bằng cách hẹn đến khi hai bên bàn toàn bộ vấn đề biên giới thì sẽ xem xét. Cho đến nay, họ vẫn trắng trợn ngụy biện rằng khu vực hơn 300 mét đường sắt đó là đất Trung Quốc với lập luận rằng « không thể có đường sắt của nước này đặt trên lãnh thổ nước khác ».

Cũng tại khu vực này, phía Trung Quốc đã ủi nát mốc biên giới số 18 nằm cách cửa Nam Quan 100 mét trên đường quốc lộ để xóa vết tích đường biên giới lịch sử, rồi đặt cột ki-lô-mét 0 đường bộ sâu vào lãnh thổ Việt Nam trên 100 mét, coi đó là vị trí đường quốc giới giữa hai nước ở khu vực này.

Như vậy, họ đã lấn chiếm một khu vực liên hoàn từ đường sắt sang đường bộ thuộc xã Bảo Lâm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam, dài 3,100 ki-lô-mét va vào sâu đất Việt Nam 0,500 ki-lô-mét. Năm 1975, tại khu vực mốc 23 (xã Bảo Lâm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), họ định di chuyển lại thủ đoạn tương tự khi hai bên phối hợp đặt đường ống dẫn dầu chạy qua biên giới : phía Việt Nam đề nghị đặt điểm nổi ống dẫn dầu đúng đường biên giới, họ đã từ chối, do đó bỏ dở công trình này.

Khi xây dựng các công trình cầu cống trên sông, suối biên giới, phía Trung Quốc cũng lợi dụng việc thiết kế kỹ thuật làm thay đổi dòng chảy của sông, suối về phía Việt Nam, để nhận đường biên giới có lợi cho phía Trung Quốc.

Cầu ngầm Hoàn Mô thuộc tỉnh Quảng Ninh được Trung Quốc giúp xây dựng vào năm 1968. Một thời gian dài sau khi cầu được xây dựng xong, hai bên vẫn tôn trọng đường biên giới ở giữa cầu : vật liệu dự trữ để sửa chữa cầu sau này cũng được đặt ở mỗi bên với số lượng bằng nhau tính theo đường biên giới giữa cầu. Nhưng do Trung Quốc có sẵn ý đồ chỉ xây một cống nước chảy nằm sát bờ Việt nam nên lưu lượng dòng chảy đã chuyển hẳn sang phía Việt Nam, từ đó phía Trung Quốc dịch đường biên giới trên cầu qua sang đất Việt Nam. Thủ đoạn như vậy cũng được thực hiện đối với cầu ngầm Pò Hèn (Quảng Ninh), đập Ái Cảnh (Cao Bằng), cầu Ba Nậm Cúm (Lai Châu)...

3. Hoàng Trường Sa viết:

07/08/2009 lúc 9:52 sáng

Kính mời quý vị đọc đoạn dưới đây trích từ bài "*Nhân đọc bài phỏng vấn Lê Công Phụng*" của Lý Công Luận viết từ Hà Nội ngày 04-02-2002 đăng trên Web Diễn Đàn Dân Chủ (rất tiếc hiện không còn hoạt động nên tôi không cho link toàn bài được):

"2. Ải Nam Quan

(Đồ hình ải Nam Quan trong đó có:

- đường sắt Trung Quốc trên địa phận Trung Quốc
- ải Nam Quan
- đường biên theo hiệp định Pháp-Thanh 1887
- 400m đường sắt Trung Quốc trên địa phận Việt Nam
- đường biên theo hiệp định 30-12-1999
- đường biên đã bị dịch chuyển
- đường sắt Việt Nam)

Chú thích: đường ray của TQ không nhất thiết phải nằm trên ải Nam Quan có thể dịch ra ngoài, nhưng về nguyên tắc khi đường ray dịch xuống dưới theo đường ray thì ải Nam Quan cũng nằm luôn trên đất

Trung Quốc.

Chuyện về ải Nam Quan thật sự là bi hài có một không hai trong lịch sử nhân loại. Thời chống Mỹ, để dễ bề tiếp tế Bắc Việt, Cộng Sản Trung Quốc cùng Cộng Sản Bắc Việt thoả thuận làm hệ thống đường sắt nối liền Trung Việt.

Phía Trung Quốc làm đường ray (rộng hơn 1,2m) đến biên giới (1) mà thôi. Còn phía bên Việt Nam cũng làm đường ray (rộng chưa tới 0,9m) đến biên giới (1). Đổi bánh ray sẽ thực hiện ở biên giới. Nhưng thời chiến tranh, phía Bắc Việt thiếu thốn đủ thứ và trình độ kỹ thuật kém, nên khi TQ đã hoàn tất xong thì bên VN vẫn chưa xong. Thế là, "Bác" Mao mới nói với "Bác" Hồ rằng: "Hiện nay, nguyên vật liệu của TQ còn thừa, TQ làm hộ cho Việt Nam một đoạn. Hơn nữa, đổi bánh hoặc toa ở biên giới núi non cách trở, không tiện. Tốt nhất đổi vào khu thuộc VN bằng phẳng cho tiện. Khi nào hoà bình rồi tháo dỡ ra cũng được" (Bạn đọc chú ý tất cả tà vẹt và kỹ thuật của TQ đã theo khung 1,2m). "Bác" Hồ vui vẻ nhận lời. Cụm từ "vui vẻ nhận lời" mãi về sau này, từ năm 1979 đến nay đã làm cho nhân dân ta khóc ròng. Đoạn đường ray TQ trên đất Việt có người nói là 400m, có người 4km, theo tôi chắc 400m thì đúng hơn. Đến năm 1979, TQ xua quân qua xâm chiếm nước ta, đến khi rút về cho quân đội nhỏ cột mốc cắm vào điểm cuối đường ray TQ tạo nên đường biên (2). Tôi đã hỏi nhiều người ngày xưa đi du học TQ, Liên Xô và Đông Âu bằng tàu lửa, người ta cũng công nhận đổi toa ở trong nội địa VN, đi mãi mới tới biên giới có đồn canh VN và đồn canh TQ đối diện. Đến khi hai bên đã hữu hảo rồi, bên VN định xây lại đồn biên phòng tại ải Nam Quan được trả lời, đất VN kéo dài tới nơi có đường ray VN thôi, chớ làm sao trên đất VN có đường ray TQ được. Sau đó các phái đoàn đàm phán VN qua vin vào thoả thuận xưa giữa hai "Bác", thì TQ trả lời những câu chuyện xưa không thể làm bằng chứng được, phải có văn bản hẳn hoi kia. Cuối cùng khi ông Khả Phiêu qua TQ thì thoả thuận chia 52% thuộc VN và 48% thuộc TQ. Và đường biên giới mới được vẽ ở trên cách ải Nam Quan về trong nội địa VN 200m. Nhiều người nói, ải Nam Quan phong thủy tốt, và lại là cái gai trong con mắt của TQ (mỗi lần lính TQ qua ải Nam Quan để vào nước ta là thấy rùng mình ớn lạnh.) nên TQ bày ra cái mẹo lừa lịch sử này để cướp cho được. Đến đây, các bạn đã thấy ông Lê Công Phụng đã nói dối một cách trắng trợn. Không còn cách gì để biện hộ cho hành động bán nước của các quan thầy CSVN, ông mới giờ bài "nhân dân Lạng Sơn" báo cáo với Trung ương, Chính phủ và các nhà đàm phán rằng "cột mốc có từ khi những người già còn chưa ra đời" để lấp liếm. Tội nghiệp cho nhân dân Lạng Sơn và người già Lạng Sơn bị mang tiếng oan..."

Nguồn: <http://www.talawas.org/?p=8668>

www.vietnamvanhien.org

